



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Cảng An Giang

Ngày 30/06/2025	7,400 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-5.1%	-	-6.3%

DT thuần Q2/25
14.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.73 69.7%
YoY: ▲ 3.70 36.3%

LN thuần Q2/25
1.74
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.46 201%
YoY: ▲ 3.42 203%

LN sau thuế Q2/25
1.71
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.43 199%
YoY: ▼0.42 -19.7%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
12.4%
YoY: +/-▲ 33.1%

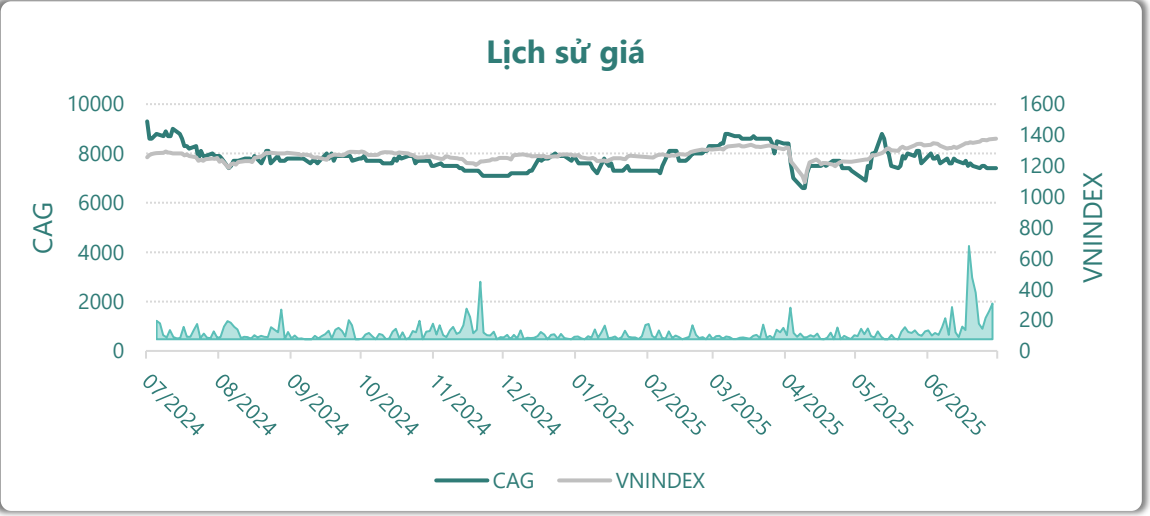
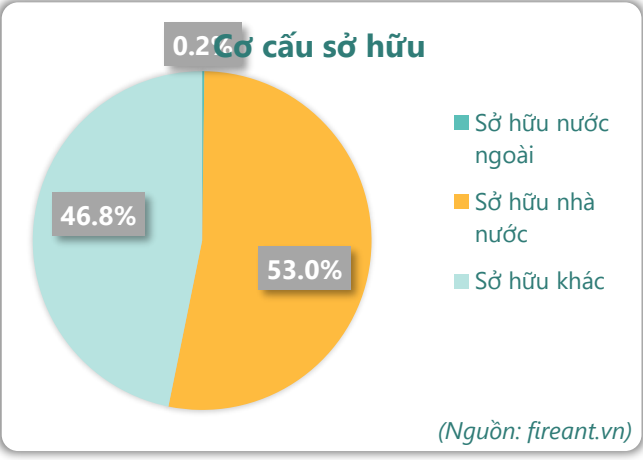
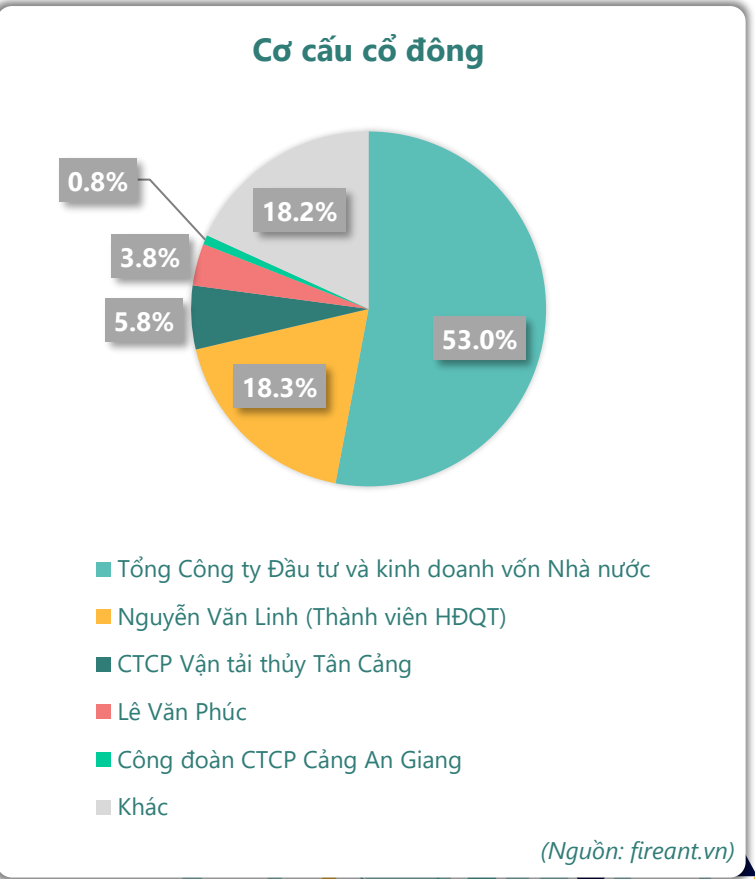
ROE (TTM) Q2/25
-0.8%
YoY: +/-▼ 0.3%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	6,600 - 9,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	102
Số lượng CPLH (CP)	13,800,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,890
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.85
EPS	-88
P/E	-84.2

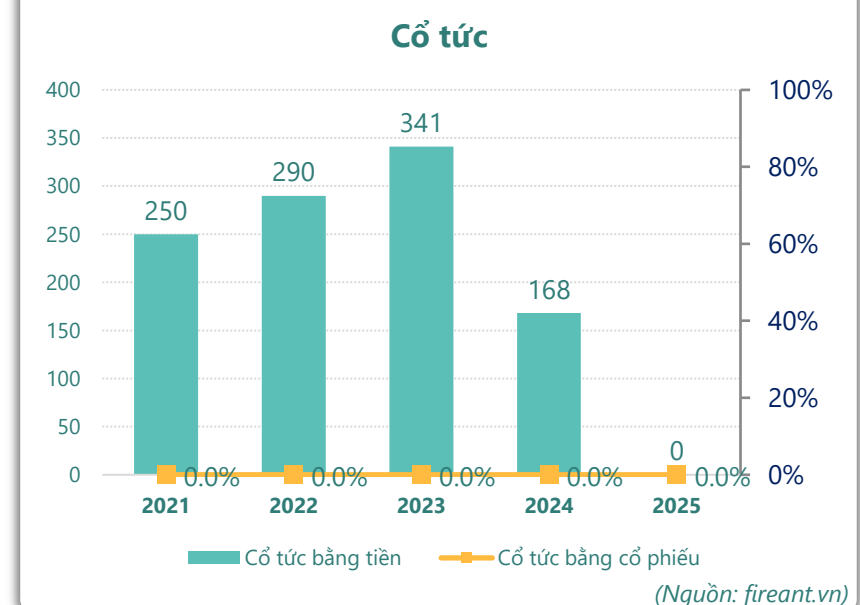
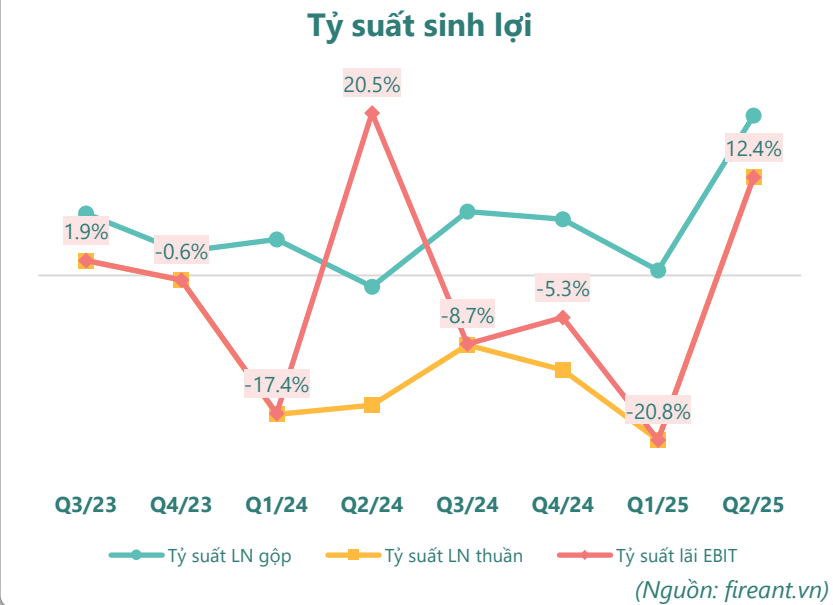
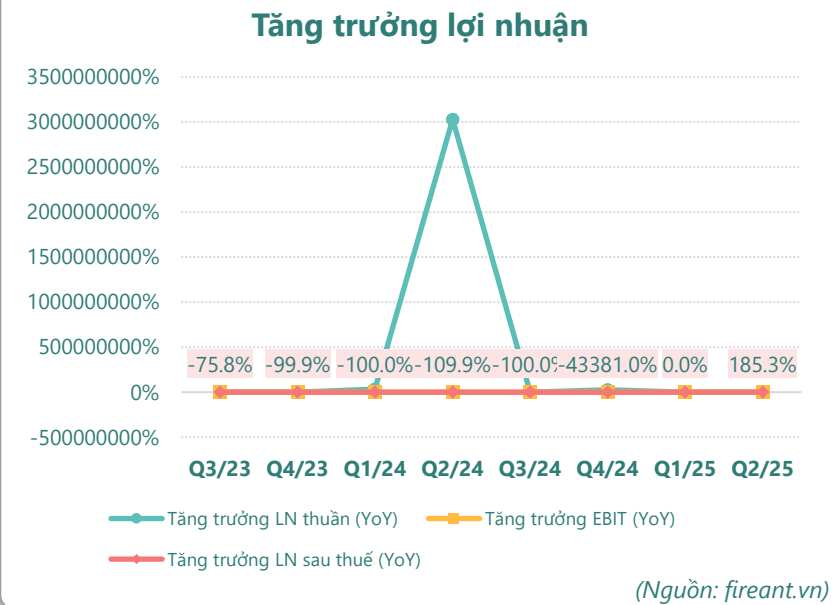
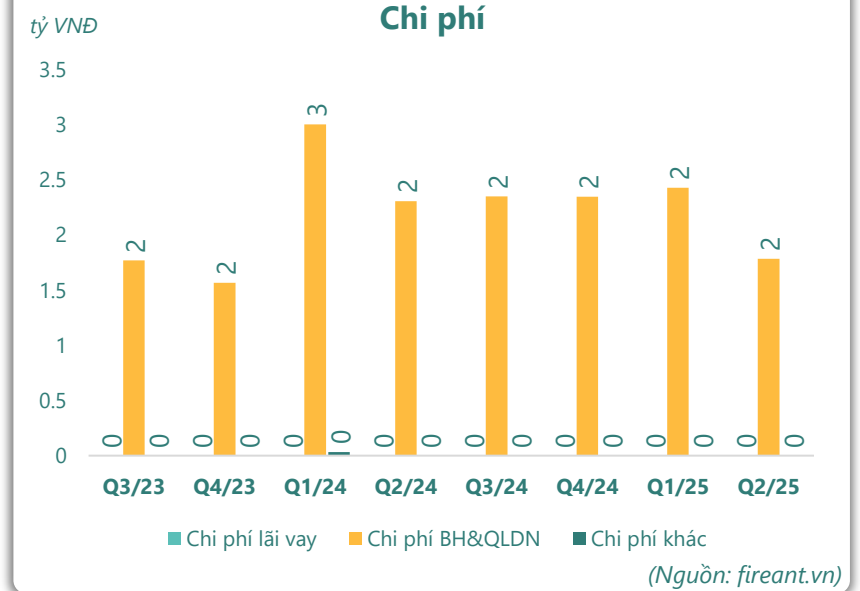
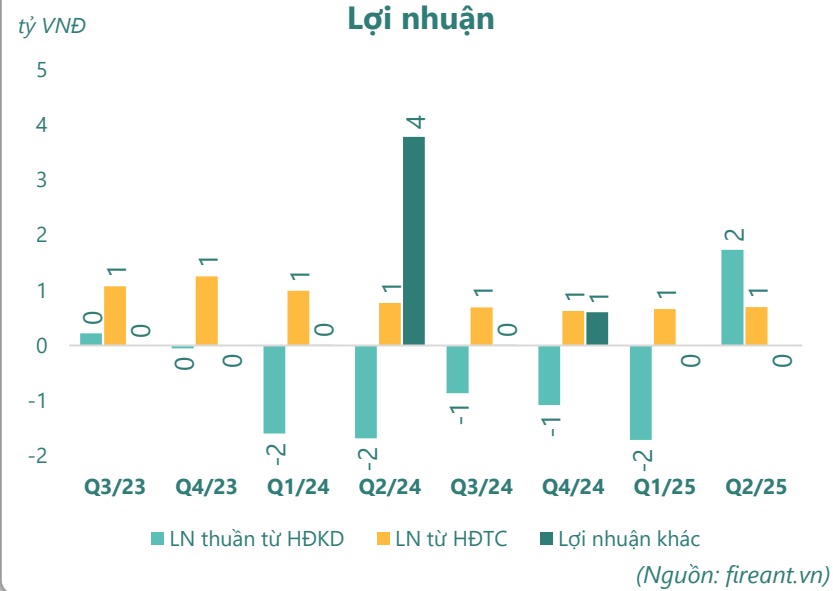
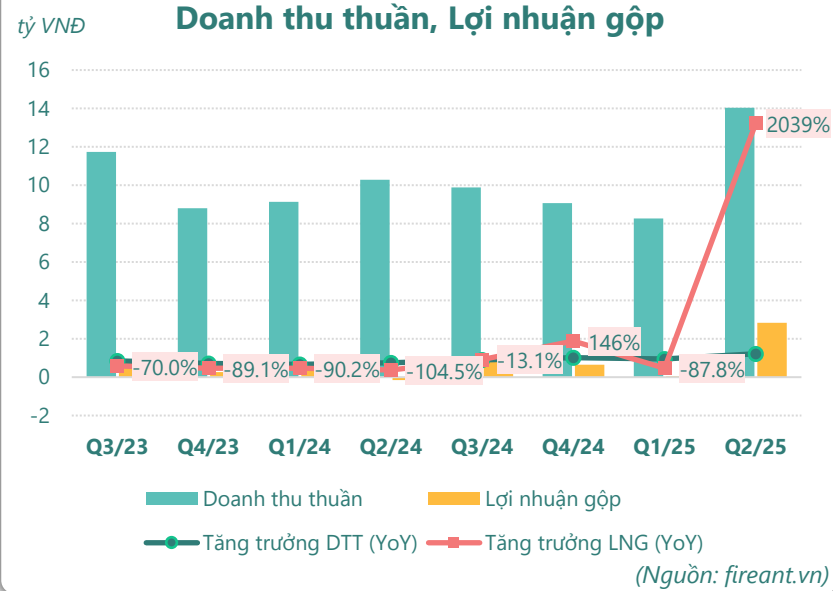
DT thuần 6T 2025
22.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.90 14.9%

LN thuần 6T 2025
0.02
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.30 101%

LN sau thuế 6T 2025
-0.01
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.55 -101%



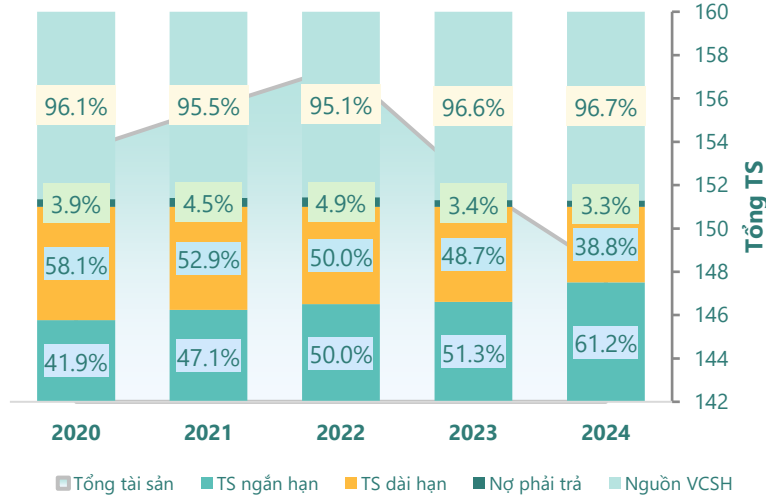
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

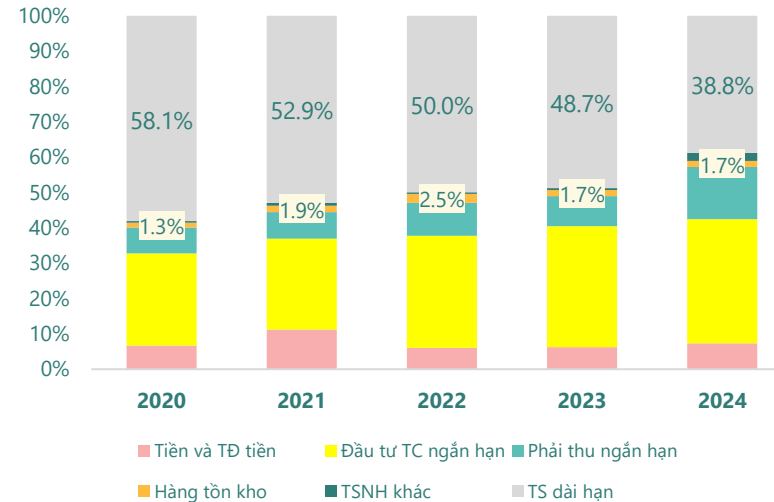
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

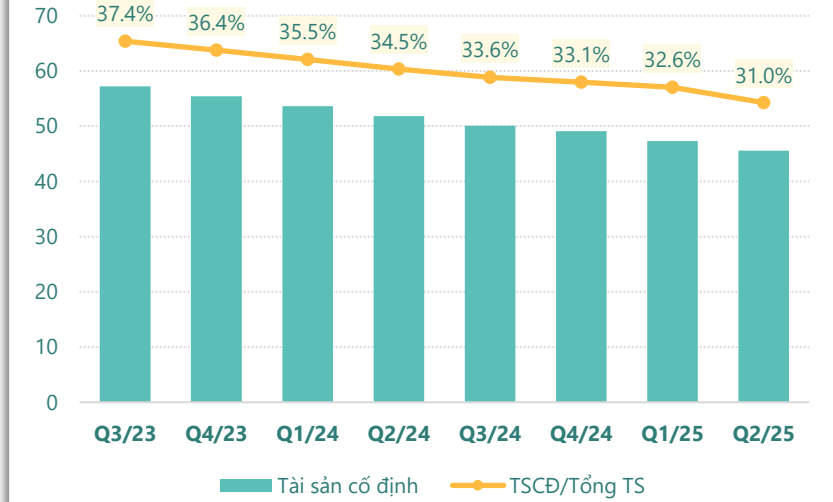
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

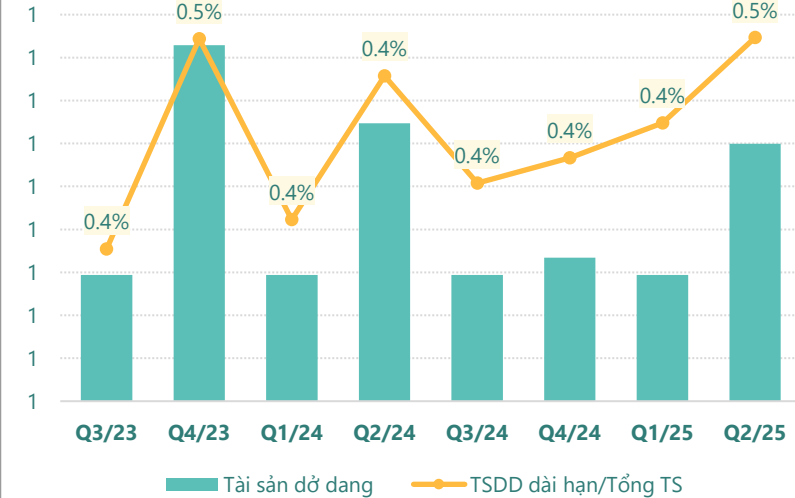
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

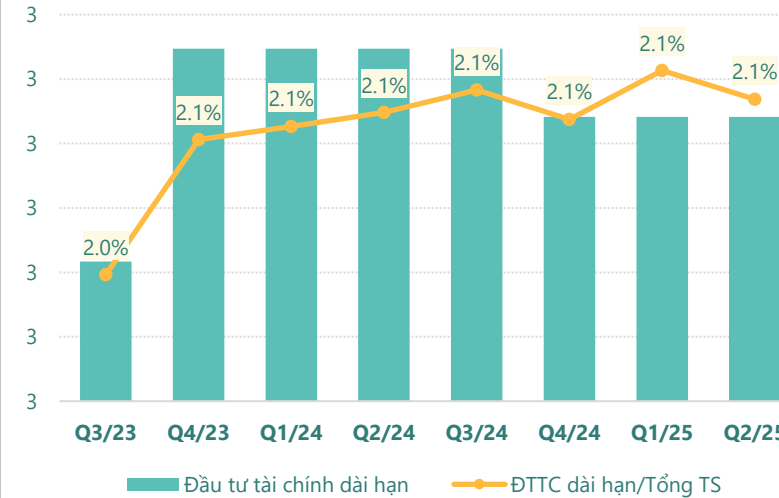
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

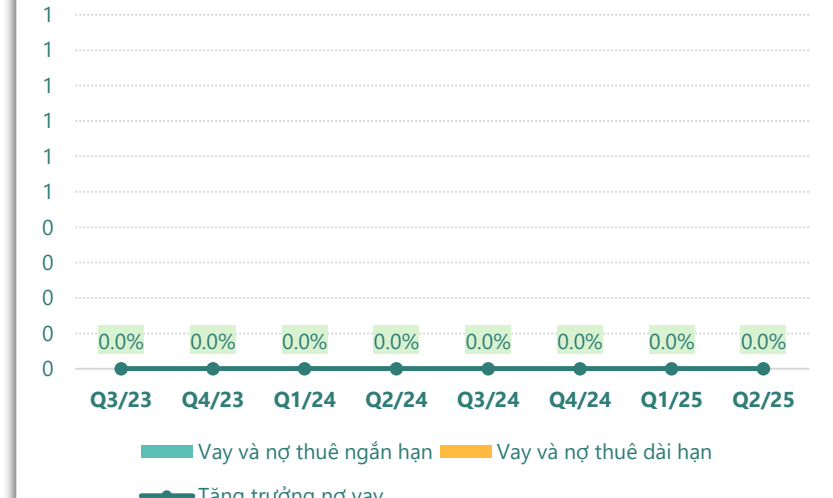
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

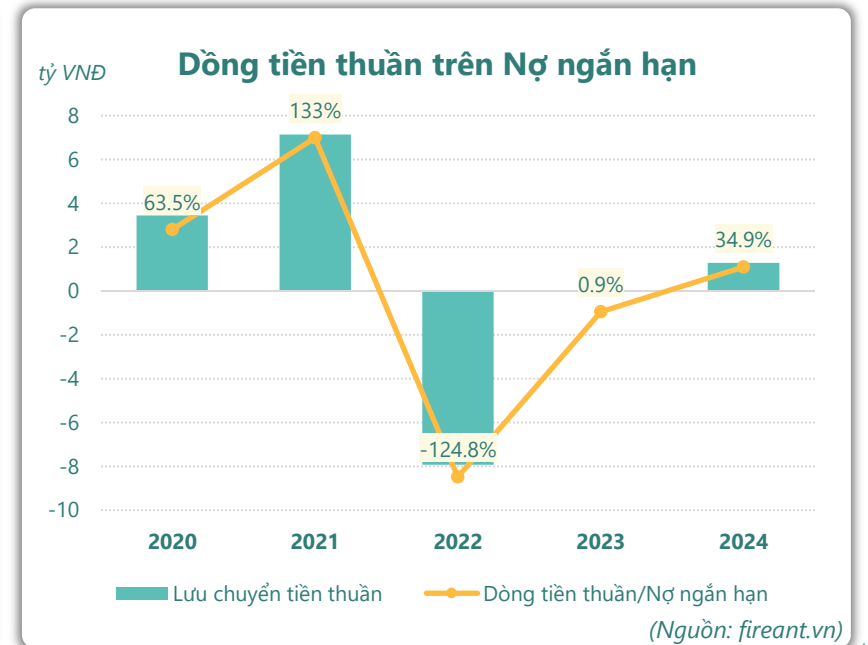
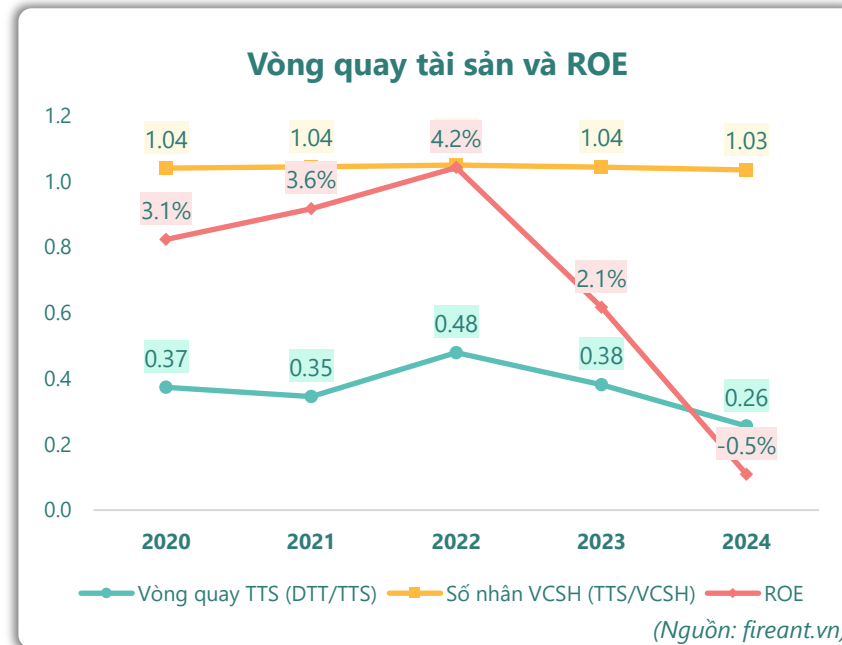
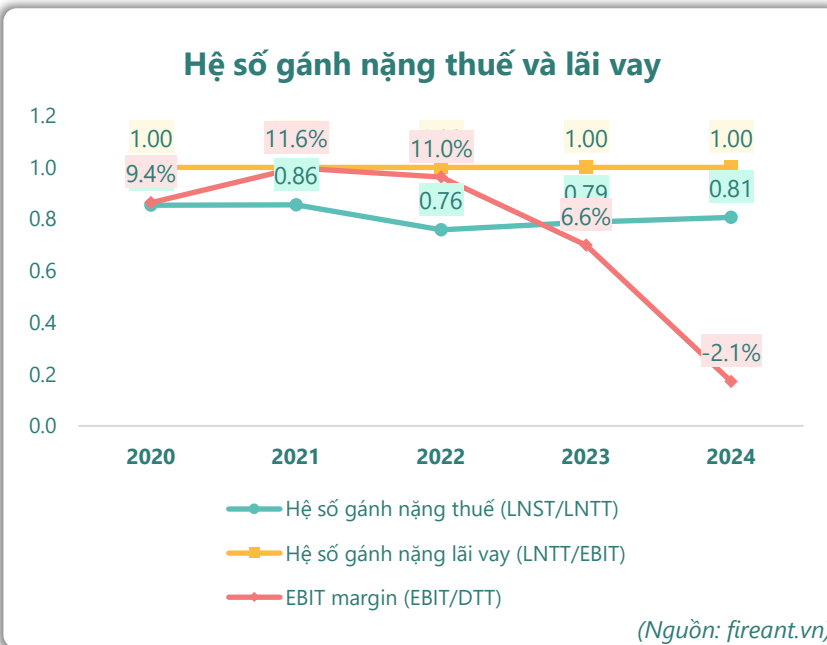
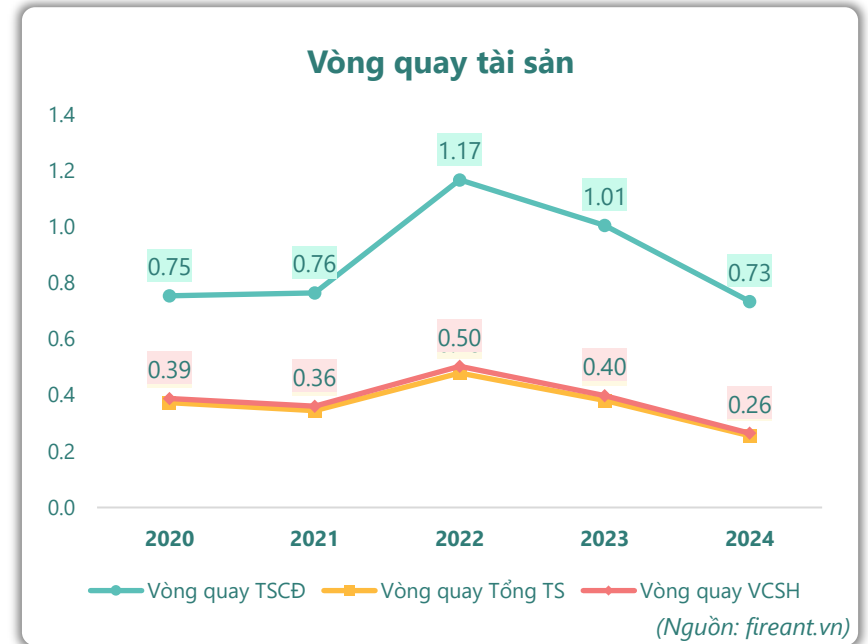
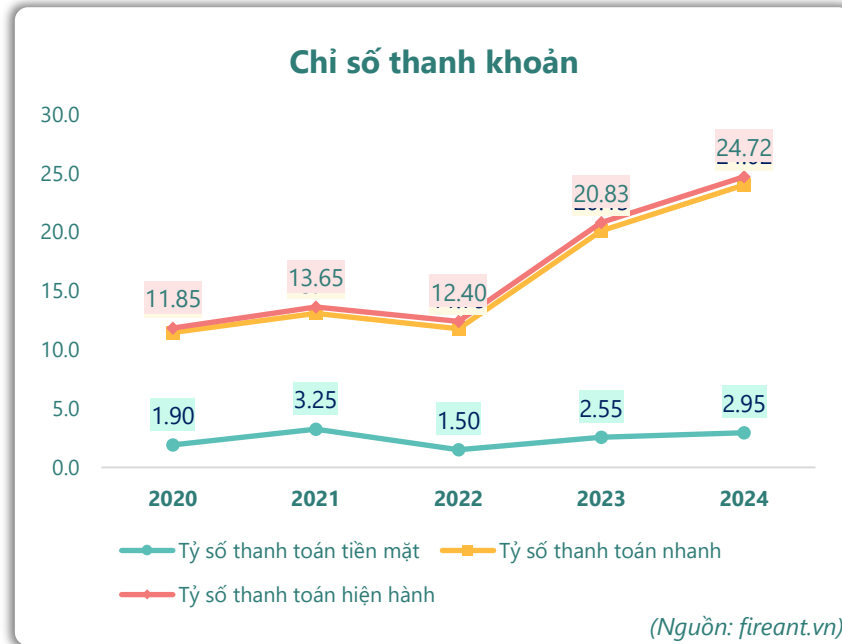
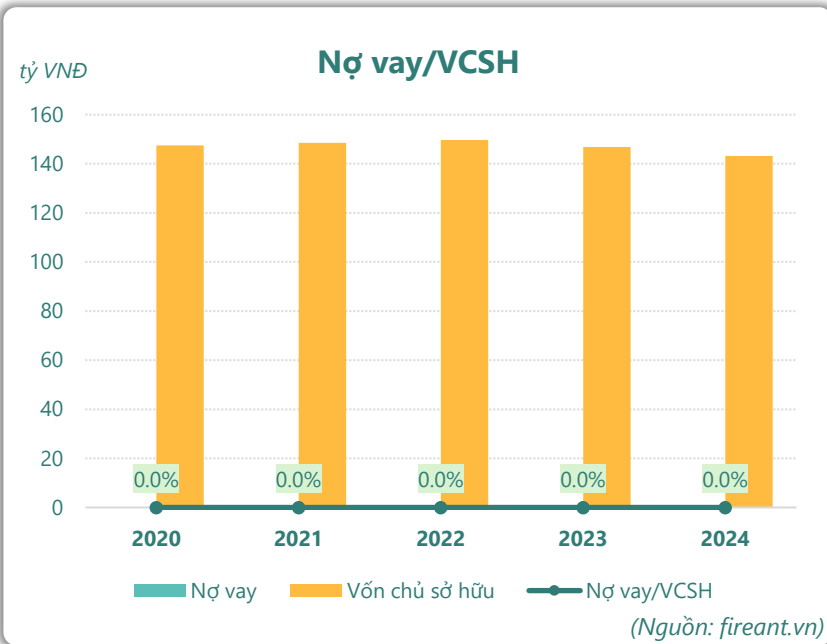
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	14.0	10.3	36.3%	22.3	19.4	14.9%
Giá vốn hàng bán	11.2	10.4	7.8%	19.4	19.1	1.5%
Lợi nhuận gộp	2.83	-0.15	1984%	2.88	0.27	968%
Doanh thu HĐTC	0.70	0.77	-9.7%	1.36	1.76	-22.9%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.19	0.31	-39.2%	0.42	0.65	-35.6%
Chi phí QLDN	1.60	2.00	-20.1%	3.80	4.66	-18.6%
LN thuần từ HĐKD	1.74	-1.68	203%	0.02	-3.28	101%
Lợi nhuận khác	0.00	3.79	-100%	0.00	3.80	-100%
LN trước thuế	1.73	2.11	-17.8%	0.02	0.52	-96.5%
Lợi nhuận sau thuế	1.71	2.13	-19.7%	-0.01	0.54	-101%
LNST của CĐ cty mẹ	1.71	2.13	-19.7%	-0.01	0.54	-101%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-2.45	0.98	1.12	4.31	-4.22	2.68
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.03	0.15	-0.55	0.00	0.01	2.09
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-2.03	0	-0.28	0	0
Tiền đầu kỳ	9.55	7.12	6.21	6.79	10.8	6.62
Lưu chuyển tiền thuần	-2.43	-0.91	0.57	4.04	-4.21	4.77
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	7.12	6.21	6.79	10.8	6.62	11.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	147	148	-0.8%
Tài sản ngắn hạn	92.4	90.6	1.9%
Tiền và tương đương tiền	11.4	10.8	5.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	50.0	52.0	-3.8%
Phải thu ngắn hạn	25.8	21.9	17.5%
Hàng tồn kho	2.06	2.57	-19.7%
Tài sản ngắn hạn khác	3.15	3.30	-4.5%
Tài sản dài hạn	54.6	57.5	-5.0%
Phải thu dài hạn	0.53	0.53	0.0%
Tài sản cố định	45.6	49.1	-7.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.67	0.64	4.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	3.12	3.12	0.0%
Tài sản dài hạn khác	4.69	4.11	14.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3.76	4.90	-23.3%
Nợ ngắn hạn	2.53	3.67	-31.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.43	0.20	113%
Nợ dài hạn	1.23	1.23	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	143	143	0.0%
Vốn chủ sở hữu	143	143	0.0%
Vốn điều lệ	138	138	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

